

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ PHÚ CƯỜNG

SỔ CÁI NĂM 2024

NGUỒN: NS TỰ CHỦ + KHÔNG TỰ CHỦ

SỔ CÁI

Tài khoản: 008212 - Thực chi
Năm 2024

Nguồn: <<Tổng hợp>>
Chương: 622 - Loại: 070 - Khoản: 073

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ:						
Điều chỉnh số dư đầu năm:						
Số dư đầu kỳ mục: 6000						
CKKB00002	17/01/2024	lương BC tháng 1/2024		6001		349.148.727
CKKB00003	17/01/2024	lương BC tháng 1/2024		6001		72.641.682
CKKB00005	17/01/2024	8% BHXH		6001		31.208.825
CKKB00005	17/01/2024	1,5% BHYT		6001		5.851.655
CKKB00005	17/01/2024	1% BHTN		6001		3.901.103
CKKB00007	17/01/2024	8% BHXH		6001		6.493.111
CKKB00007	17/01/2024	1,5% BHYT		6001		1.217.458
CKKB00007	17/01/2024	1% BHTN		6001		811.639
CKKB00009	31/01/2024	8% BHXH		6001		6.501.816
CKKB00009	31/01/2024	1,5% BHYT		6001		1.219.091
CKKB00009	31/01/2024	1% BHTN		6001		812.727
CKKB00011	31/01/2024	lương BC tháng 2/2024		6001		72.739.067
CKKB00019	31/01/2024	8% BHXH		6001		31.250.664
CKKB00019	31/01/2024	1,5% BHYT		6001		5.859.500
CKKB00019	31/01/2024	1% BHTN		6001		3.906.333
CKKB00022	31/01/2024	lương BC tháng 2/2024		6001		349.616.804
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền lương BC tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6001		349.616.803
CKKB00031	07/03/2024	chuyển lương BC tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 3 ngày 7/3/2024		6001		72.739.067
CKKB00035	08/03/2024	8% BHXH		6001		31.250.664
CKKB00035	08/03/2024	1,5% BHYT		6001		5.859.500
CKKB00035	08/03/2024	1% BHTN		6001		3.906.333
CKKB00039	08/03/2024	8% BHXH		6001		6.501.816
CKKB00039	08/03/2024	1,5% BHYT		6001		1.219.091
CKKB00039	08/03/2024	1% BHTN		6001		812.727
NVK00032	31/03/2024	chuyển lương , BH tháng 1,2,3/2024		6001		(243.709.292)
NVK00032	31/03/2024	chuyển lương , BH tháng 1,2,3/2024		6001		243.709.292
CKKB00069	04/04/2024	chuyển tiền lương BC tháng 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6001		422.355.869
CKKB00071	09/04/2024	8% BHXH		6001		37.752.480
CKKB00071	09/04/2024	1,5% BHYT		6001		7.078.590
CKKB00071	09/04/2024	1% BHTN		6001		4.719.060

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00076	02/05/2024	chuyển tiền lương BC tháng 5/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6001		427.672.170
CKKB00079	02/05/2024	chuyển tiền truy lương BC qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05A ngày 2/5/2024		6001		26.049.870
CKKB00084	08/05/2024	8% BHXH		6001		39.692.160
CKKB00084	08/05/2024	1,5% BHYT		6001		7.442.280
CKKB00084	08/05/2024	1% BHTN		6001		4.961.520
PC00013	10/05/2024	nộp trả thực chi kinh phí năm 2024 (chương 622; mục 6001; mã địa bàn:718; mã ngành:073)		6001		(9.666.000)
CKKB00094	02/06/2024	chuyển lương BC tháng 06/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06 ngày 2/6/2024		6001		423.370.800
CKKB00101	11/06/2024	8% BHXH		6001		37.843.200
CKKB00101	11/06/2024	1,5% BHYT		6001		7.095.600
CKKB00101	11/06/2024	1% BHTN		6001		4.730.400
CKKB00113	01/07/2024	chuyển lương BC tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6001		430.861.950
CKKB00116	08/07/2024	8% BHXH		6001		38.512.800
CKKB00116	08/07/2024	1,5% BHYT		6001		7.221.150
CKKB00116	08/07/2024	1% BHTN		6001		4.814.100
CKKB00120	30/07/2024	chuyển tiền truy lương BC do thăng hạng CDNN từ tháng 5-7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07A ngày 30/7/2024		6001		40.403.880
CKKB00122	30/07/2024	8% BHXH		6001		3.611.520
CKKB00122	30/07/2024	1,5% BHYT		6001		677.160
CKKB00122	30/07/2024	1% BHTN		6001		451.440
CKKB00124	01/08/2024	chuyển lương BC tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6001		444.362.130
CKKB00126	08/08/2024	8% BHXH		6001		39.719.520
CKKB00126	08/08/2024	1,5% BHYT		6001		7.447.410
CKKB00126	08/08/2024	1% BHTN		6001		4.964.940
CKKB00133	16/08/2024	chuyển tiền truy lương tháng 7+8/2024 cho BC do tăng lương cơ sở theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024		6001		266.617.277
CKKB00135	20/08/2024	8% BHXH		6001		23.831.712
CKKB00135	20/08/2024	1,5% BHYT		6001		4.468.446
CKKB00135	20/08/2024	1% BHTN		6001		2.978.964
CKKB00141	12/09/2024	chuyển lương BC tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6001		559.743.561
CKKB00143	16/09/2024	8% BHXH		6001		50.032.944
CKKB00143	16/09/2024	1,5% BHYT		6001		9.381.177
CKKB00143	16/09/2024	1% BHTN		6001		6.254.118
CKKB00153	01/10/2024	chuyển lương BC tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6001		575.827.785

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00155	16/10/2024	8% BHXH		6001		51.470.640
CKKB00155	16/10/2024	1,5% BHYT		6001		9.650.745
CKKB00155	16/10/2024	1% BHTN		6001		6.433.830
CKKB00172	01/11/2024	chuyển tiền lương BC tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6001		564.057.819
CKKB00174	14/11/2024	8% BHXH		6001		50.418.576
CKKB00174	14/11/2024	1,5% BHYT		6001		9.453.483
CKKB00174	14/11/2024	1% BHTN		6001		6.302.322
CKKB00194	02/12/2024	chuyển lương BC tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024		6001		557.020.971
CKKB00198	16/12/2024	8% BHXH		6001		49.789.584
CKKB00198	16/12/2024	1,5% BHYT		6001		9.335.547
CKKB00198	16/12/2024	1% BHTN		6001		6.223.698
Cộng phát sinh tiểu mục: 6001						6.698.525.401
Cộng phát sinh mục: 6000						6.698.525.401
Số dư cuối kỳ mục: 6000						6.698.525.401
Số dư đầu kỳ mục: 6050						
CKKB00002	17/01/2024	tiền công lao động theo hợp đồng tháng 1/2024		6051		21.780.720
CKKB00005	17/01/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00005	17/01/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00005	17/01/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00019	31/01/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00019	31/01/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00019	31/01/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00022	31/01/2024	tiền công lao động theo hợp đồng tháng 2/2024		6051		21.780.720
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền công HĐ ND 111/ND -2022 tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6051		21.780.720
CKKB00035	08/03/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00035	08/03/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00035	08/03/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00069	04/04/2024	chuyển tiền công HĐ nghị định 111/2022 tháng 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6051		21.780.720
CKKB00071	09/04/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00071	09/04/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00071	09/04/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00076	02/05/2024	chuyển tiền công HĐ ND 111/2022 của BV, PV tháng 5/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6051		21.780.720
CKKB00084	08/05/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00084	08/05/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00084	08/05/2024	1% BHTN		6051		243.360

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00094	02/06/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 06/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06 ngày 2/6/2024		6051		21.780.720
CKKB00101	11/06/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00101	11/06/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00101	11/06/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00113	01/07/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6051		21.780.720
CKKB00116	08/07/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00116	08/07/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00116	08/07/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00124	01/08/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6051		21.780.720
CKKB00126	08/08/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00126	08/08/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00126	08/08/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00141	12/09/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6051		21.780.720
CKKB00143	16/09/2024	8% BHXH		6051		1.946.880
CKKB00143	16/09/2024	1,5% BHYT		6051		365.040
CKKB00143	16/09/2024	1% BHTN		6051		243.360
CKKB00153	01/10/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 10/2024 và truy từ tháng 7-9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6051		26.993.200
CKKB00155	16/10/2024	8% BHXH		6051		2.412.800
CKKB00155	16/10/2024	1,5% BHYT		6051		452.400
CKKB00155	16/10/2024	1% BHTN		6051		301.600
CKKB00172	01/11/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6051		23.083.840
CKKB00174	14/11/2024	8% BHXH		6051		2.063.360
CKKB00174	14/11/2024	1,5% BHYT		6051		386.880
CKKB00174	14/11/2024	1% BHTN		6051		257.920
CKKB00194	02/12/2024	chuyển tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 12/2024 và tiền truy tháng 10 và 11/24 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024		6051		25.876.240
CKKB00198	16/12/2024	8% BHXH		6051		2.312.960
CKKB00198	16/12/2024	1,5% BHYT		6051		433.680
CKKB00198	16/12/2024	1% BHTN		6051		289.120
Cộng phát sinh tiểu mục: 6051						303.888.000
Cộng phát sinh mục: 6050						303.888.000
Số dư cuối kỳ mục: 6050						303.888.000
Số dư đầu kỳ mục: 6100						
CKKB00002	17/01/2024	phụ cấp chức vụ tháng 1/2024		6101		5.200.845

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00003	17/01/2024	phụ cấp chức vụ tháng 1/2024		6101		1.082.055
CKKB00005	17/01/2024	8% BHXH		6101		464.880
CKKB00005	17/01/2024	1,5% BHYT		6101		87.165
CKKB00005	17/01/2024	1% BHTN		6101		58.110
CKKB00007	17/01/2024	8% BHXH		6101		96.720
CKKB00007	17/01/2024	1,5% BHYT		6101		18.135
CKKB00007	17/01/2024	1% BHTN		6101		12.090
CKKB00009	31/01/2024	8% BHXH		6101		96.720
CKKB00009	31/01/2024	1,5% BHYT		6101		18.135
CKKB00009	31/01/2024	1% BHTN		6101		12.090
CKKB00011	31/01/2024	phụ cấp chức vụ tháng 2/2024		6101		1.082.055
CKKB00019	31/01/2024	8% BHXH		6101		464.880
CKKB00019	31/01/2024	1,5% BHYT		6101		87.165
CKKB00019	31/01/2024	1% BHTN		6101		58.110
CKKB00022	31/01/2024	phụ cấp chức vụ tháng 2/2024		6101		5.200.845
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền PCCV tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6101		5.200.845
CKKB00031	07/03/2024	chuyển PCCV tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 3 ngày 7/3/2024		6101		1.082.055
CKKB00035	08/03/2024	8% BHXH		6101		464.880
CKKB00035	08/03/2024	1,5% BHYT		6101		87.165
CKKB00035	08/03/2024	1% BHTN		6101		58.110
CKKB00039	08/03/2024	8% BHXH		6101		96.720
CKKB00039	08/03/2024	1,5% BHYT		6101		18.135
CKKB00039	08/03/2024	1% BHTN		6101		12.090
NVK00032	31/03/2024	chuyển PCCV , BH tháng 1,2,3/2024		6101		(3.627.000)
NVK00032	31/03/2024	chuyển PCCV , BH tháng 1,2,3/2024		6101		3.627.000
CKKB00069	04/04/2024	chuyển tiền PCCV tháng 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6101		6.282.900
CKKB00071	09/04/2024	8% BHXH		6101		561.600
CKKB00071	09/04/2024	1,5% BHYT		6101		105.300
CKKB00071	09/04/2024	1% BHTN		6101		70.200
CKKB00076	02/05/2024	chuyển tiền PCCV tháng 5/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6101		6.282.900
CKKB00084	08/05/2024	8% BHXH		6101		561.600
CKKB00084	08/05/2024	1,5% BHYT		6101		105.300
CKKB00084	08/05/2024	1% BHTN		6101		70.200
CKKB00094	02/06/2024	chuyển PCCV tháng 06/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06 ngày 2/6/2024		6101		6.282.900
CKKB00101	11/06/2024	8% BHXH		6101		561.600
CKKB00101	11/06/2024	1,5% BHYT		6101		105.300
CKKB00101	11/06/2024	1% BHTN		6101		70.200

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00113	01/07/2024	chuyển PCCV tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6101		6.282.900
CKKB00116	08/07/2024	8% BHXH		6101		561.600
CKKB00116	08/07/2024	1,5% BHYT		6101		105.300
CKKB00116	08/07/2024	1% BHTN		6101		70.200
CKKB00124	01/08/2024	chuyển PCCV tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6101		6.282.900
CKKB00126	08/08/2024	8% BHXH		6101		561.600
CKKB00126	08/08/2024	1,5% BHYT		6101		105.300
CKKB00126	08/08/2024	1% BHTN		6101		70.200
CKKB00133	16/08/2024	chuyển tiền truy PCCV tháng 7+8/2024 cho BC do tăng lương cơ sở theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024		6101		3.769.740
CKKB00135	20/08/2024	8% BHXH		6101		336.960
CKKB00135	20/08/2024	1,5% BHYT		6101		63.180
CKKB00135	20/08/2024	1% BHTN		6101		42.120
CKKB00141	12/09/2024	chuyển PCCV tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6101		8.167.770
CKKB00143	16/09/2024	8% BHXH		6101		730.080
CKKB00143	16/09/2024	1,5% BHYT		6101		136.890
CKKB00143	16/09/2024	1% BHTN		6101		91.260
CKKB00153	01/10/2024	chuyển PCCV của BC tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6101		8.167.770
CKKB00155	16/10/2024	8% BHXH		6101		730.080
CKKB00155	16/10/2024	1,5% BHYT		6101		136.890
CKKB00155	16/10/2024	1% BHTN		6101		91.260
CKKB00172	01/11/2024	chuyển PCCV tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6101		8.167.770
CKKB00174	14/11/2024	8% BHXH		6101		730.080
CKKB00174	14/11/2024	1,5% BHYT		6101		136.890
CKKB00174	14/11/2024	1% BHTN		6101		91.260
CKKB00194	02/12/2024	chuyển PCCV tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024		6101		8.167.770
CKKB00198	16/12/2024	8% BHXH		6101		730.080
CKKB00198	16/12/2024	1,5% BHYT		6101		136.890
CKKB00198	16/12/2024	1% BHTN		6101		91.260
Cộng phát sinh tiểu mục: 6101						96.876.000
CKKB00002	17/01/2024	phụ cấp ưu đãi tháng 1/2024		6112		111.012.078
CKKB00003	17/01/2024	phụ cấp ưu đãi tháng 1/2024		6112		23.096.473
CKKB00011	31/01/2024	phụ cấp ưu đãi tháng 2/2024		6112		23.096.473
CKKB00022	31/01/2024	phụ cấp ưu đãi tháng 2/2024		6112		111.012.078
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền PC ưu đãi tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6112		111.012.078

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00031	07/03/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 3 ngày 7/3/2024		6112		23.096.473
NVK00032	31/03/2024	chuyển PCUD tháng 1,2,3/2024		6112		(69.289.419)
NVK00032	31/03/2024	chuyển PCUD tháng 1,2,3/2024		6112		69.289.419
CKKB00069	04/04/2024	chuyển tiền PC ưu đãi tháng 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6112		134.108.550
CKKB00076	02/05/2024	chuyển tiền PC ưu đãi tháng 5/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6112		135.793.026
CKKB00079	02/05/2024	chuyển tiền truy PC ưu đãi cho BC qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 A ngày 2/5/2024		6112		8.055.936
CKKB00094	02/06/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 06/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06 ngày 2/6/2024		6112		135.971.226
CKKB00113	01/07/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6112		136.862.226
CKKB00120	30/07/2024	chuyển tiền truy PCUD cho BC do tháng hạn CDNN từ tháng 5-7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07A ngày 30/7/2024		6112		8.932.032
CKKB00124	01/08/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6112		139.126.230
CKKB00133	16/08/2024	chuyển tiền truy PC ưu đãi tháng 7+8/2024 cho BC do tăng lương cơ sở theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024		6112		83.475.738
CKKB00141	12/09/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6112		176.792.499
CKKB00153	01/10/2024	chuyển PC ưu đãi của BC tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6112		177.269.859
CKKB00172	01/11/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6112		177.708.258
CKKB00194	02/12/2024	chuyển PC ưu đãi tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024		6112		176.854.907
Cộng phát sinh tiểu mục: 6112						1.893.276.140
CKKB00002	17/01/2024	phụ cấp trách nhiệm tháng 1/2024		6113		298.000
CKKB00003	17/01/2024	phụ cấp trách nhiệm T01/2024		6113		62.000
CKKB00011	31/01/2024	phụ cấp trách nhiệm T02/2024		6113		62.000
CKKB00022	31/01/2024	phụ cấp trách nhiệm tháng 2/2024		6113		298.000
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền PC TRÁCH NHIỆM tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6113		298.000
CKKB00031	07/03/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 3 ngày 7/3/2024		6113		62.000
NVK00032	31/03/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 1,2,3/2024		6113		(186.000)
NVK00032	31/03/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 1,2,3/2024		6113		186.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00069	04/04/2024	chuyển tiền PC trách nhiệm tháng 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6113		360.000
CKKB00076	02/05/2024	chuyển tiền PC trách nhiệm tháng 5/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6113		360.000
CKKB00094	02/06/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 06/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06 ngày 2/6/2024		6113		360.000
CKKB00113	01/07/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6113		360.000
CKKB00124	01/08/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6113		360.000
CKKB00133	16/08/2024	chuyển tiền truy PC trách nhiệm tháng 7+8/2024 cho BC do tăng lương cơ sở theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024		6113		216.000
CKKB00141	12/09/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6113		468.000
CKKB00153	01/10/2024	chuyển PC trách nhiệm của BC tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6113		1.872.000
CKKB00172	01/11/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6113		1.170.000
CKKB00194	02/12/2024	chuyển PC trách nhiệm tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đth số 12 ngày 2/12/2024		6113		468.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6113						7.074.000
CKKB00002	17/01/2024	phụ cấp vượt khung, thâm niên T01/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 24 ngày 17/1/2024		6115		76.357.201
CKKB00003	17/01/2024	phụ cấp VK, thâm niên T1/2024 theo Bảng TT cho ĐTTH số 24 ngày 17/1/2024		6115		15.886.397
CKKB00005	17/01/2024	8% BHXH		6115		6.825.224
CKKB00005	17/01/2024	1,5% BHYT		6115		1.279.730
CKKB00005	17/01/2024	1% BHTN		6115		853.153
CKKB00007	17/01/2024	8% BHXH		6115		1.420.013
CKKB00007	17/01/2024	1,5% BHYT		6115		266.252
CKKB00007	17/01/2024	1% BHTN		6115		177.502
CKKB00009	31/01/2024	8% BHXH		6115		1.420.013
CKKB00009	31/01/2024	1,5% BHYT		6115		266.252
CKKB00009	31/01/2024	1% BHTN		6115		177.502
CKKB00011	31/01/2024	phụ cấp VK, thâm niên T2/2024 theo Bảng TT cho ĐTTH số 31 ngày 31/1/2024		6115		15.886.397
CKKB00019	31/01/2024	8% BHXH		6115		6.825.224
CKKB00019	31/01/2024	1,5% BHYT		6115		1.279.730
CKKB00019	31/01/2024	1% BHTN		6115		853.153
CKKB00022	31/01/2024	phụ cấp vượt khung, thâm niên T02/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 31 ngày 31/1/2024		6115		76.357.200

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền PCTN, VK tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6115		77.422.973
CKKB00031	07/03/2024	chuyển PCTN, VK tháng 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 3 ngày 7/3/2024		6115		16.108.135
CKKB00035	08/03/2024	8% BHXH		6115		6.920.490
CKKB00035	08/03/2024	1,5% BHYT		6115		1.297.592
CKKB00035	08/03/2024	1% BHTN		6115		865.061
CKKB00039	08/03/2024	8% BHXH		6115		1.439.833
CKKB00039	08/03/2024	1,5% BHYT		6115		269.969
CKKB00039	08/03/2024	1% BHTN		6115		179.979
NVK00032	31/03/2024	chuyển PC thâm niên, VK, BH tháng 1,2,3/2024		6115		(53.498.244)
NVK00032	31/03/2024	chuyển PC thâm niên, VK, BH tháng 1,2,3/2024		6115		53.498.244
CKKB00069	04/04/2024	chuyển tiền PCTN, VK tháng 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6115		94.061.129
CKKB00071	09/04/2024	8% BHXH		6115		8.407.699
CKKB00071	09/04/2024	1,5% BHYT		6115		1.576.443
CKKB00071	09/04/2024	1% BHTN		6115		1.050.962
CKKB00076	02/05/2024	chuyển tiền PCTN, VK tháng 5/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6115		95.416.070
CKKB00079	02/05/2024	chuyển tiền truy PCTN, VK cho BC qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05 A ngày 2/5/2024		6115		4.889.543
CKKB00084	08/05/2024	8% BHXH		6115		8.905.385
CKKB00084	08/05/2024	1,5% BHYT		6115		1.669.760
CKKB00084	08/05/2024	1% BHTN		6115		1.113.173
PC00013	10/05/2024	nộp trả thực chi kinh phí năm 2024 (chương 622; mục 6115; mã địa bàn:718; mã ngành:073)		6115		(676.620)
CKKB00094	02/06/2024	chuyển PCTN, VK tháng 06/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06 ngày 2/6/2024		6115		95.296.694
CKKB00101	11/06/2024	8% BHXH		6115		8.518.140
CKKB00101	11/06/2024	1,5% BHYT		6115		1.597.151
CKKB00101	11/06/2024	1% BHTN		6115		1.064.768
CKKB00113	01/07/2024	chuyển PCTN, VK tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6115		96.869.836
CKKB00116	08/07/2024	8% BHXH		6115		8.658.756
CKKB00116	08/07/2024	1,5% BHYT		6115		1.623.517
CKKB00116	08/07/2024	1% BHTN		6115		1.082.345
CKKB00120	30/07/2024	chuyển tiền truy PCTN cho BC do thắng hạng CDNN từ tháng 5-7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07A ngày 30/7/2024		6115		5.016.229
CKKB00122	30/07/2024	8% BHXH		6115		448.378
CKKB00122	30/07/2024	1,5% BHYT		6115		84.071

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00122	30/07/2024	1% BHTN		6115		56.047
CKKB00124	01/08/2024	chuyển PCTN, VK tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6115		93.574.693
CKKB00126	08/08/2024	8% BHXH		6115		8.364.219
CKKB00126	08/08/2024	1,5% BHYT		6115		1.568.291
CKKB00126	08/08/2024	1% BHTN		6115		1.045.527
CKKB00133	16/08/2024	chuyển tiền truy PCTN, VK tháng 7+8/2024 cho BC do tăng lương cơ sở theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024		6115		56.144.817
CKKB00135	20/08/2024	8% BHXH		6115		5.018.531
CKKB00135	20/08/2024	1,5% BHYT		6115		940.975
CKKB00135	20/08/2024	1% BHTN		6115		627.316
CKKB00141	12/09/2024	chuyển PCTN, VK tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6115		119.512.758
CKKB00143	16/09/2024	8% BHXH		6115		10.682.705
CKKB00143	16/09/2024	1,5% BHYT		6115		2.003.007
CKKB00143	16/09/2024	1% BHTN		6115		1.335.338
CKKB00153	01/10/2024	chuyển PCTN, VK của BC tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6115		120.365.557
CKKB00155	16/10/2024	8% BHXH		6115		10.758.932
CKKB00155	16/10/2024	1,5% BHYT		6115		2.017.300
CKKB00155	16/10/2024	1% BHTN		6115		1.344.867
CKKB00172	01/11/2024	chuyển PCTN, VK tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6115		121.164.009
CKKB00174	14/11/2024	8% BHXH		6115		10.830.302
CKKB00174	14/11/2024	1,5% BHYT		6115		2.030.682
CKKB00174	14/11/2024	1% BHTN		6115		1.353.788
CKKB00194	02/12/2024	chuyển PCTN, VK tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024		6115		120.673.356
CKKB00198	16/12/2024	8% BHXH		6115		10.786.445
CKKB00198	16/12/2024	1,5% BHYT		6115		2.022.458
CKKB00198	16/12/2024	1% BHTN		6115		1.348.306
Cộng phát sinh tiểu mục: 6115						1.452.878.630
CKKB00204	23/12/2024	chuyển tiền hướng dẫn tập sự năm 2024 qua thẻ ATM theo bảng kê 07 số 214/NS-2024 ngày 23/12/2024 và mẫu 09 số 12A ngày 23/12/2024		6149		6.966.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6149						6.966.000
Cộng phát sinh mục: 6100						3.457.070.770
Số dư cuối kỳ mục: 6100						3.457.070.770

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B					
Số dư đầu kỳ mục: 6200						
CKKB00211	31/12/2024	chuyển tiền khen thưởng năm 2024 cho CB- GV- NV theo QĐ số 391/QĐ-PC ngày 31/12/2024,theo mẫu 09 số 12D ngày 6/1/2025, theo bảng kê 07 số 223/NS-2024 ngày 6/1/2025		6201		384.999.804
Cộng phát sinh tiểu mục: 6201						384.999.804
Cộng phát sinh mục: 6200						384.999.804
Số dư cuối kỳ mục: 6200						384.999.804
Số dư đầu kỳ mục: 6250						
CKKB00111	21/06/2024	chuyển tiền nước uống CB CNV quý 1 và quý 2 năm 2024 (từ tháng 1-6/2024) theo hóa đơn GTGT số 458 ngày 19/6/2024		6299		6.383.880
Cộng phát sinh tiểu mục: 6299						6.383.880
Cộng phát sinh mục: 6250						6.383.880
Số dư cuối kỳ mục: 6250						6.383.880
Số dư đầu kỳ mục: 6300						
CKKB00005	17/01/2024	trích 17.5% lương và PC tháng 1/2024 nộp BHXH		6301		88.475.208
CKKB00007	17/01/2024	trích 17.5% lương và PC tháng 1/2024 nộp BHXH		6301		17.521.535
CKKB00013	17/01/2024	trích 17.5% tiền thuê HĐNH tháng 1/2024 đóng BHXH		6301		1.965.600
CKKB00009	31/01/2024	trích 17.5% lương và PC tháng 2/2024 nộp BHXH		6301		17.540.576
CKKB00016	31/01/2024	trích 17.5% tiền thuê HĐNH tháng 2/2024 đóng BHXH		6301		1.965.600
CKKB00019	31/01/2024	trích 17.5% lương và PC tháng 2/2024 nộp BHXH		6301		88.566.732
CKKB00035	08/03/2024	trích 17.5% lương và phụ cấp tháng 3/2024 nộp BHXH		6301		88.775.123
CKKB00037	08/03/2024	trích 17.5% tiền thuê GV HĐNH tháng 3/2022 nộp BHXH		6301		1.965.600
CKKB00039	08/03/2024	trích 17.5% lương và phụ cấp tháng 3/2024 nộp BHXH		6301		17.583.933
NVK00032	31/03/2024	chuyển 17.5% BHXH tháng 1,2,3/2024		6301		(52.646.044)
NVK00032	31/03/2024	chuyển 17.5% BHXH tháng 1,2,3/2024		6301		52.646.044
CKKB00071	09/04/2024	trích 17.5% lương và phụ cấp tháng 4/2024 nộp BHXH		6301		106.462.691
CKKB00073	09/04/2024	trích 17.5% tiền thuê GV HĐNH tháng 4/2022 nộp BHXH		6301		1.965.600
CKKB00084	08/05/2024	trích 17.5% lương BC tháng 5/2024, truy lương BC đóng BHXH		6301		111.820.845
CKKB00086	08/05/2024	trích 17.5% tiền công HĐNH tháng 5/2024 đóng BHXH		6301		1.965.600
CKKB00101	11/06/2024	trích 17.5% tiền lương BC và tiền công HĐ NH 111/2022 tháng 6/2024 đóng BHXH		6301		106.902.732
CKKB00116	08/07/2024	trích 17.5% lương tháng 7/2024 đóng BHXH		6301		108.675.079
CKKB00117	08/07/2024	trích 17.5% lương HĐNH tháng 6 và 7/2024 đóng BHXH		6301		3.931.200
CKKB00122	30/07/2024	trích 17.5% tiền truy lương BC do tháng hạn CDNN từ tháng 5-7/2024 đóng BHXH		6301		9.569.050

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B					
CKKB00126	08/08/2024	trích 17.5% lương tháng 8/2024 đóng BHXH		6301		163.820.861
CKKB00127	08/08/2024	trích 17.5% tiền công HDNH của GV tổng PTĐ và phụ trách CNTT tháng 8/2024 đóng BHXH,		6301		1.965.600
CKKB00135	20/08/2024	trích 17.5% tiền truy lương BC tháng 7+8/2024 đóng BHXH		6301		65.560.115
CKKB00143	16/09/2024	trích 17.5% lương tháng 9/2024 đóng BHXH		6301		103.671.331
CKKB00155	16/10/2024	trích 17.5% lương tháng 10/2024 đóng BHXH		6301		143.002.240
CKKB00174	14/11/2024	trích 17.5% lương tháng 11/2024 đóng BHXH		6301		140.098.668
CKKB00198	16/12/2024	trích 17.5% lương tháng 12/2024 đóng BHXH		6301		98.166.714
CKKB00210	30/12/2024	đóng tiền BHXH tháng 12/2024 còn thiếu theo thông báo C12 của BHXH ngày 25/12/2024		6301		20.742.570
Cộng phát sinh tiểu mục: 6301						1.512.680.803
CKKB00005	17/01/2024	trích 3% lương và PC tháng 1/2024 nộp BHYT		6302		15.167.179
CKKB00007	17/01/2024	trích 3% lương và PC tháng 1/2024 nộp BHYT		6302		3.003.692
CKKB00013	17/01/2024	trích 3% tiền thuê HDNH tháng 1/2024 đóng BHYT		6302		336.960
CKKB00009	31/01/2024	trích 3% lương và PC tháng 2/2024 nộp BHYT		6302		3.006.956
CKKB00016	31/01/2024	trích 3% tiền thuê HDNH tháng 2/2024 đóng BHYT		6302		336.960
CKKB00019	31/01/2024	trích 3% lương và PC tháng 2/2024 nộp BHYT		6302		15.182.868
CKKB00035	08/03/2024	trích 3% lương và phụ cấp tháng 3/2024 nộp BHYT		6302		15.218.592
CKKB00037	08/03/2024	trích 3% tiền thuê GV HDNH tháng 3/2022 nộp BHYT		6302		336.960
CKKB00039	08/03/2024	trích 3% lương và phụ cấp tháng 3/2024 nộp BHYT		6302		3.014.389
NVK00032	31/03/2024	chuyển 3% BHYT tháng 1,2,3/2024		6302		(9.025.037)
NVK00032	31/03/2024	chuyển 3% BHYT tháng 1,2,3/2024		6302		9.025.037
CKKB00071	09/04/2024	trích 3% lương và phụ cấp tháng 4/2024 nộp BHYT		6302		18.250.747
CKKB00073	09/04/2024	trích 3% tiền thuê GV HDNH tháng 4/2022 nộp BHYT		6302		336.960
CKKB00084	08/05/2024	trích 3% lương BC tháng 5/2024, truy lương BC đóng BHYT		6302		19.164.759
CKKB00086	08/05/2024	trích 3% tiền công HDNH tháng 5/2024 đóng BHYT		6302		336.960
CKKB00101	11/06/2024	trích 3% tiền lương BC và tiền công HD NĐ 111/2022 tháng 6/2024 đóng BHYT		6302		18.326.183
CKKB00116	08/07/2024	trích 3% lương tháng 7/2024 đóng BHYT		6302		18.630.014
CKKB00117	08/07/2024	trích 3% lương HDNH tháng 6 và 7/2024 đóng BHYT		6302		673.920
CKKB00122	30/07/2024	trích 3% tiền truy lương BC do tháng hạn CDNN từ tháng 5-7/2024 đóng BHYT		6302		1.552.462
CKKB00126	08/08/2024	trích 3% lương tháng 8/2024 đóng BHYT		6302		18.972.082
CKKB00127	08/08/2024	trích 3% tiền công HDNH của GV tổng PTĐ và phụ trách CNTT tháng 8/2024 đóng BHYT		6302		336.960

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B					
CKKB00135	20/08/2024	trích 3% tiền truy lương BC tháng 7+8/2024 đóng BHYT		6302		10.945.201
CKKB00143	16/09/2024	trích 3% lương tháng 9/2024 đóng BHYT		6302		23.772.228
CKKB00155	16/10/2024	trích 3% lương tháng 10/2024 đóng BHYT		6302		24.534.830
CKKB00174	14/11/2024	trích 3% lương tháng 11/2024 đóng BHYT		6302		24.015.869
CKKB00198	16/12/2024	trích 3% lương tháng 12/2024 đóng BHYT		6302		23.857.151
Cộng phát sinh tiểu mục: 6302						259.310.882
CKKB00006	17/01/2024	trích 2% lương BC và HĐ 111 tháng 1/2024 đóng kpcđ		6303		10.111.452
CKKB00008	17/01/2024	trích 2% lương BC đóng KPCĐ tháng 1/2024 từ nguồn CCTL		6303		2.002.461
CKKB00014	17/01/2024	chuyển 2% kpcđ tiền thuê HĐNH tháng 1/2024		6303		224.640
CKKB00010	31/01/2024	chuyển 2% KPCĐ của BC tháng 2/2024 từ nguồn CCTL		6303		2.004.637
CKKB00017	31/01/2024	chuyển 2% kpcđ tiền thuê HĐNH tháng 2/2024		6303		224.640
CKKB00020	31/01/2024	trích 2% lương BC và HĐ 111 tháng 2/2024 đóng kpcđ		6303		10.121.912
CKKB00036	08/03/2024	trích 2% lương BC và tiền công NĐ 111/2022 tháng 3/2024 đóng KPCĐ		6303		10.145.728
CKKB00038	08/03/2024	trích 2% tiền công HĐNH tháng 3/2024 đóng KPCĐ		6303		224.640
CKKB00040	08/03/2024	trích 2% lương BC tháng 3/2024 đóng KPCĐ		6303		2.009.592
NVK00032	31/03/2024	chuyển 2%KPCĐ tháng 1,2,3/2024		6303		(6.016.690)
NVK00032	31/03/2024	chuyển 2% KPCĐ tháng 1,2,3/2024		6303		6.016.690
CKKB00072	09/04/2024	trích 2% lương BC và tiền công NĐ 111/2022 tháng 4/2024 đóng KPCĐ		6303		12.167.165
CKKB00074	09/04/2024	trích 2% tiền công HĐNH tháng 4/2024 đóng KPCĐ		6303		224.640
CKKB00085	08/05/2024	trích 2% lương BC, tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 5/2024, truy lương BC đóng KPCĐ		6303		12.776.507
CKKB00087	08/05/2024	trích 2% tiền công HĐNH tháng 5/2024 đóng kpcđ		6303		224.640
CKKB00102	11/06/2024	trích 2% lương BC và tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 06/2024 đóng KPCĐ		6303		12.217.455
CKKB00118	08/07/2024	trích 2% lương BC và tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 7/2024 đóng KPCĐ		6303		12.420.009
CKKB00118	08/07/2024	trích 2% tiền công HĐNH GV Tổng PTĐ và phụ trách CNTT đóng KPCĐ tháng 6 và 7/2024		6303		449.280
CKKB00123	30/07/2024	trích 2% tiền truy lương BC do tăng hạng cdnn từ tháng 5-7/2024 đóng KPCĐ		6303		1.014.974
CKKB00128	08/08/2024	trích 2% tiền lương BC, tiền công HĐNĐ 111/2022 tháng 8/2024 đóng KPCĐ		6303		12.648.055
CKKB00128	08/08/2024	trích 2% tiền công HĐNH tháng 8/2024 đóng KPCĐ		6303		224.640
CKKB00136	15/08/2024	trích 2% tiền truy lương BC do tăng lương tối thiểu vùng từ tháng 7-8/2024 đóng KPCĐ		6303		7.296.801
CKKB00144	16/09/2024	trích 2% lương T9/2024 của BC và tiền công HĐNH 111/2022 đóng KPCĐ		6303		15.848.152
CKKB00156	16/10/2024	trích 2% lương BC và tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 10/2024 đóng KPCĐ		6303		16.356.553

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00175	14/11/2024	trích 2% lương BC và tiền công NĐ 111/2022 tháng 11/2024 đóng KPCĐ		6303		16.010.580
CKKB00197	16/12/2024	trích 2% lương tháng 12/2024 đóng KPCĐ		6303		15.904.767
Cộng phát sinh tiểu mục: 6303						172.853.920
CKKB00005	17/01/2024	trích 1% lương và PC tháng 1/2024 nộp BHTN		6304		5.055.726
CKKB00007	17/01/2024	trích 1% lương và PC tháng 1/2024 nộp BHTN		6304		1.001.231
CKKB00013	17/01/2024	trích 1% tiền thuê HĐNH tháng 1/2024 đóng BHTN		6304		112.320
CKKB00009	31/01/2024	trích 1% lương và PC tháng 2/2024 nộp BHTN		6304		1.002.319
CKKB00016	31/01/2024	trích 1% tiền thuê HĐNH tháng 2/2024 đóng BHTN		6304		112.320
CKKB00019	31/01/2024	trích 1% lương và PC tháng 2/2024 nộp BHTN		6304		5.060.956
CKKB00035	08/03/2024	trích 1% lương và phụ cấp tháng 3/2024 nộp BHTN		6304		5.072.864
CKKB00037	08/03/2024	trích 1% tiền thuê GV HĐNH tháng 3/2022 nộp BHTN		6304		112.320
CKKB00039	08/03/2024	trích 1% lương và phụ cấp tháng 3/2024 nộp BHTN		6304		1.004.796
NVK00032	31/03/2024	chuyển 1%BHTN tháng 1,2,3/2024		6304		(3.008.346)
NVK00032	31/03/2024	chuyển 1% BHTN tháng 1,2,3/2024		6304		3.008.346
CKKB00071	09/04/2024	trích 1% lương và phụ cấp tháng 4/2024 nộp BHTN		6304		6.083.582
CKKB00073	09/04/2024	trích 1% tiền thuê GV HĐNH tháng 4/2022 nộp BHTN		6304		112.320
CKKB00084	08/05/2024	trích 1% lương BC tháng 5/2024, truy lương BC đóng BHTN		6304		6.388.253
CKKB00086	08/05/2024	trích 1% tiền công HĐNH tháng 5/2024 đóng BHTN		6304		112.320
CKKB00101	11/06/2024	trích 1% tiền lương BC và tiền công HĐ NĐ 111/2022 tháng 6/2024 đóng BHTN		6304		6.108.728
CKKB00116	08/07/2024	trích 1% lương tháng 7/2024 đóng BHYT		6304		6.210.005
CKKB00117	08/07/2024	trích 1% lương HĐNH tháng 6 và 7/2024 đóng BHTN		6304		224.640
CKKB00122	30/07/2024	trích 1% tiền truy lương BC do tăng hạng CDNN từ tháng 5-7/2024 đóng BHTN		6304		507.487
CKKB00126	08/08/2024	trích 1% lương tháng 8/2024 đóng BHTN		6304		6.324.027
CKKB00127	08/08/2024	trích 1% tiền công HĐNH của GV tổng PTĐ và phụ trách CNTT tháng 8/2024 đóng BHTN		6304		112.320
CKKB00135	20/08/2024	trích 1% tiền truy lương BC tháng 7+8/2024 đóng BHYT		6304		3.648.400
CKKB00143	16/09/2024	trích 1% lương tháng 9/2024 đóng BHTN		6304		7.924.076
CKKB00155	16/10/2024	trích 1% lương tháng 10/2024 đóng BHTN		6304		8.178.277
CKKB00174	14/11/2024	trích 1% lương tháng 11/2024 đóng BHTN		6304		8.005.290
CKKB00198	16/12/2024	trích 1% lương tháng 12/2024 đóng BHTN		6304		7.952.384
Cộng phát sinh tiểu mục: 6304						86.426.961
Cộng phát sinh mục: 6300						2.031.272.566
Số dư cuối kỳ mục: 6300						2.031.272.566

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ mục: 6400						
CKKB00214	31/12/2024	chuyển tiền tăng thu nhập năm 2024 cho CB, GV, NV theo bảng tt cho đth số 01D ngày 17/1/2025		6404		855.470.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6404						855.470.000
Cộng phát sinh mục: 6400						855.470.000
Số dư cuối kỳ mục: 6400						855.470.000
Số dư đầu kỳ mục: 6500						
CKKB00023	19/02/2024	chuyển tiền nước sinh hoạt tháng 2/2024 theo giấy báo thanh toán số 420110 ngày 6/2/2024		6502		142.830
CKKB00029	08/03/2024	chuyển tiền nước sinh hoạt tháng 3/2024 theo giấy báo thanh toán ngày 6/3/2024		6502		142.830
CKKB00061	11/04/2024	chuyển tiền nước sinh hoạt tháng 4/2024 theo giấy báo thanh toán ngày 9/4/2024		6502		301.530
CKKB00088	23/05/2024	chuyển tiền nước sinh hoạt kỳ 5/2024 theo giấy thông báo tiền nước ngày 7/5/2024		6502		190.440
CKKB00109	14/06/2024	chuyển tiền nước sinh hoạt kỳ 6/2024 theo giấy báo thanh toán tiền nước ngày 11/6/2024		6502		174.570
Cộng phát sinh tiểu mục: 6502						952.200
CKKB00051	22/03/2024	chuyển tiền phí thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt từ tháng 1 đến tháng 3 năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00000177 ngày 21/03/2024		6504		388.800
Cộng phát sinh tiểu mục: 6504						388.800
Cộng phát sinh mục: 6500						1.341.000
Số dư cuối kỳ mục: 6500						1.341.000
Số dư đầu kỳ mục: 6550						
CKKB00046	15/03/2024	chuyển tiền mua VPP tháng 2/2024: bút dạ, bìa lỗ, bìa nút... theo hóa đơn gtgt số 0000047 ngày 13/3/2024		6551		961.200
CKKB00091	23/05/2024	chuyển tiền mua VPP tháng 5/2024: Giấy A4, băng keo si... theo hóa đơn GTGT số 0000119 ngày 17/5/2024		6551		3.506.760
CKKB00168	24/10/2024	chuyển tiền mua VPP tháng 10/2024: giấy A4, bút bi... theo hóa đơn GTGT số 0000313 ngày 22/10/2024		6551		4.241.160
CKKB00192	29/11/2024	chuyển tiền mua VPP tháng 10: băng keo, giấy bìa, bìa nút... theo hóa đơn GTGT số 352 ngày 27/11/2024		6551		945.000
CKKB00192	29/11/2024	chuyển tiền mua VPP tháng 11: bìa lỗ, bìa lá, bìa kiếng... theo hóa đơn GTGT số 365 ngày 27/11/2024		6551		4.422.600
Cộng phát sinh tiểu mục: 6551						14.076.720
CKKB00043	13/03/2024	chuyển tiền thay mực máy in, máy photo của trường theo hóa đơn GTGT số 00000006 ngày 24/1/2024		6552		3.817.000
CKKB00138	27/08/2024	chuyển tiền thay mực máy in các phòng hành chính: Hiệu trưởng; hiệu phó... từ tháng 1-7/2024 theo hóa đơn GTGT số 00000022 ngày 12/8/2024		6552		2.057.000
CKKB00157	02/10/2024	chuyển tiền sửa chữa, bơm mực máy in cho các phòng hành chính từ tháng 7-9/2024 theo hóa đơn GTGT số 272 ngày 26/9/2024		6552		1.826.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00185	20/11/2024	chuyển tiền nạp mực máy in phòng kế toán theo hóa đơn GTGT số 86 ngày 17/11/2024		6552		495.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6552						8.195.000
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền khoản VPP quý 1 năm 2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6553		3.720.000
CKKB00034	07/03/2024	chuyển tiền khoản VPP quý 1/2024 cho HĐNH làm tổng PTĐ và phụ trách CNTT theo bảng kê số 13 ngày 7/3/2024		6553		120.000
CKKB00095	02/06/2024	chuyển tiền khoản VPP quý 2 năm 2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 2/6/2024 và bảng kê 07 số 85/NS-2024 ngày 2/6/2024		6553		3.660.000
CKKB00115	01/07/2024	chuyển tiền khoản VPP quý 2 năm 2024 cho HĐNH làm GV tổng phụ trách đội và phụ trách CNTT qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024 và bảng kê 07 số 105/NS-2024 ngày 1/7/2024		6553		120.000
CKKB00141	12/09/2024	chuyển tiền khoản VPP quý 3/2024 cho CB, CNV theo mục C, khoản 2, điều 6 trong quy chế CTNB ngày 2/2/2024; theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6553		3.760.000
CKKB00153	01/10/2024	truy tiền khoản VPP tháng 9/2024 cho cô Lê Thị Huyền theo mục c, khoản 2, điều 6 trong quy chế CTNB ngày 2/2/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6553		20.000
CKKB00194	02/12/2024	chuyển tiền khoản VPP quý 4/2024 cho CB, CNV qua thẻ ATM theo mục c, khoản 2 điều 6 trong quy chế CTNB ngày 2/2/2024 và bảng tt cho đth số 12 ngày 2/12/2024		6553		3.620.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6553						15.020.000
CKKB00059	11/04/2024	chuyển tiền làm phong ngày hội tiến bước lên đoàn, băng rôn chúc mừng năm mới năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00000067 ngày 4/4/2024		6599		761.000
CKKB00060	11/04/2024	chuyển tiền làm băng biểu, khẩu hiệu: thầy mẫu mực, trò chăm ngoan, cán bộ đảng viên học tập và làm theo tấm gương đạo đức HCM, theo hóa đơn GTGT số 00000069 ngày 5/4/2024		6599		2.548.800
CKKB00106	14/06/2024	chuyển tiền làm băng rôn, phong lễ trong lễ tổng kết NH 2023-2024 theo hóa đơn GTGT số 00000119 ngày 25/5/2024		6599		756.000
CKKB00147	16/09/2024	chuyển tiền làm phong, băng rôn trong lễ khai giảng NH 2024-2025, băng tên lớp theo hóa đơn GTGT số 00000232 ngày 14/9/2024		6599		2.138.400
CKKB00163	16/10/2024	chuyển tiền làm phong hội nghị cha mẹ HS, băng rôn hướng ứng tuần lễ học tập, PCCC... theo hóa đơn GTGT số 00000255 ngày 10/10/2024		6599		1.598.400
CKKB00166	22/10/2024	chuyển tiền mua stampon mực đỏ một dấu trường và một tên BGH theo hóa đơn GTGT số 00005066 ngày 16/10/2024		6599		200.001
CKKB00177	05/11/2024	chuyển tiền làm phong đại hội liên đội NH 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 00000274 ngày 22/10/2024		6599		378.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00196	12/12/2024	chuyển tiền làm phong lễ hội nghị VC, khẩu hiệu ATGT... từ tháng 10 đến tháng 11/2024 theo hóa đơn GTGT số 00000362 ngày 7/12/2024		6599		2.430.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6599						10.810.601
Cộng phát sinh mục: 6550						48.102.321
Số dư cuối kỳ mục: 6550						48.102.321
Số dư đầu kỳ mục: 6600						
CKKB00024	19/02/2024	chuyển tiền cước phí điện thoại tháng 1/2024 cho số ĐT 3825994 theo hđ GTGT số 00140531 ngày 2/2/2024		6601		27.000
CKKB00024	19/02/2024	chuyển tiền cước phí điện thoại tháng 1/2024 cho số ĐT 3858217 theo hđ GTGT số 00140530 ngày 2/2/2024		6601		47.913
CKKB00045	15/03/2024	chuyển tiền cước phí điện thoại cho các số thuê bao: 3825994;3817009;3858217 theo giấy báo thanh toán cước ngày 6/3/2024		6601		174.700
CKKB00062	15/04/2024	chuyển tiền cước phí điện thoại tháng 3/2024 theo giấy báo thanh toán cước ngày 3/4/2024		6601		14.157
CKKB00082	23/05/2024	chuyển tiền cước điện thoại tháng 4/2024 theo giấy báo thanh toán cước ngày 6/5/2024		6601		69.962
CKKB00099	11/06/2024	chuyển tiền cước phí điện thoại tháng 5/2024 cho 2 số thuê bao 3817009 và 3858217 theo giấy báo thanh toán cước ngày 6/6/2024		6601		53.558
Cộng phát sinh tiểu mục: 6601						387.290
CKKB00055	04/04/2024	chuyển tiền trả cước F003068.bdg 7 tháng từ 30/3/2024-29/10/2024 theo hóa đơn GTGT số 52921 ngày 29/3/2024		6605		3.960.000
CKKB00190	26/11/2024	chuyển tiền cước phí internet tháng 10 và 11, gia hạn 12 tháng từ 1/12/24-30/1/26 cho thuê bao b650_gfth_cuongtp theo giấy báo thanh toán cước ngày 1/11/24		6605		6.645.162
Cộng phát sinh tiểu mục: 6605						10.605.162
CKKB00052	22/03/2024	chuyển tiền gia hạn CKS của trường theo hóa đơn GTGT số 45747 ngày 21/3/2024		6649		1.584.000
CKKB00098	02/06/2024	chuyển tiền cước phí DV VNPT-SMART CA 12 tháng theo hóa đơn GTGT số 91497 ngày 28/5/2024		6649		1.273.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6649						2.857.000
Cộng phát sinh mục: 6600						13.849.452
Số dư cuối kỳ mục: 6600						13.849.452
Số dư đầu kỳ mục: 6650						
CKKB00171	07/11/2024	chuyển tiền nước uống trong HN CBVC người lao động năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 714 ngày 28/10/2024 (68 người x 15.000đ/người)		6699		1.020.600
Cộng phát sinh tiểu mục: 6699						1.020.600
Cộng phát sinh mục: 6650						1.020.600
Số dư cuối kỳ mục: 6650						1.020.600

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ mục: 6700						
CKKB00162	16/10/2024	chuyển tiền hỗ trợ CTP cho GV tổng PTĐ đi tập huấn ở Vũng Tàu theo bảng kê 07 số 155/NS-2024 ngày 16/10/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 10D ngày 16/10/2024		6702		400.000
CKKB00170	05/11/2024	chuyển tiền hỗ trợ CTP cho GV đi thanh tra ở Tân Uyên, Bình Dương theo bảng kê 07 số 167/NS-2024 ngày 5/11/2024, mẫu 09 số 11A ngày 5/11/2024		6702		1.080.000
CKKB00182	21/11/2024	chuyển tiền CTP cho thầy Tiến đi dak lak theo bảng kê 07 số 190/NS-2024 ngày 21/11/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 11 B ngày 21/11/2024		6702		400.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6702						1.880.000
CKKB00162	16/10/2024	chuyển tiền khoản thuê phòng ngủ cho GV tổng PTĐ đi tập huấn ở Vũng Tàu theo bảng kê 07 số 155/NS-2024 ngày 16/10/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 10 D ngày 16/10/2024		6703		900.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6703						900.000
CKKB00030	07/03/2024	chuyển tiền khoản CTP quý 1 năm 2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6704		4.500.000
CKKB00095	02/06/2024	chuyển tiền khoản công tác phí quý 2 năm 2024 cho HT, KT, VT qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 2/6/2024 và bảng kê 07 số 85/NS-2024 ngày 2/6/2024		6704		4.500.000
CKKB00141	12/09/2024	chuyển tiền khoản CTP quý 3/2024 cho HT, KT, VT qua thẻ ATM theo khoản 5 điều 6 trong quy chế CTNB ngày 2/2/2024; theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6704		4.500.000
CKKB00194	02/12/2024	chuyển tiền khoản CTP cho HT, KT, VT quý 4/2024 qua thẻ ATM theo khoản 5 điều 6 trong quy chế CTNB ngày 2/2/2024 và bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024		6704		4.500.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6704						18.000.000
Cộng phát sinh mục: 6700						20.780.000
Số dư cuối kỳ mục: 6700						20.780.000
Số dư đầu kỳ mục: 6750						
CKKB00208	27/12/2024	chuyển tiền thuê xe chở HS tham gia HKPD cấp TP NH 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 00000146 ngày 20/12/2024		6751		35.200.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6751						35.200.000
CKKB00013	17/01/2024	8% BHXH		6757		898.560
CKKB00013	17/01/2024	1,5% BHYT		6757		168.480
CKKB00013	17/01/2024	1% BHTN		6757		112.320
CKKB00015	18/01/2024	chuyển tiền công thuê hđnh làm PTĐ và CNTT tháng 1/2024 theo bảng kê số 65 ngày 18/1/2024		6757		10.052.640
CKKB00016	31/01/2024	8% BHXH		6757		898.560
CKKB00016	31/01/2024	1,5% BHYT		6757		168.480
CKKB00016	31/01/2024	1% BHTN		6757		112.320

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00018	31/01/2024	chuyển tiền công thuê hính làm PTĐ và CNTT tháng 2/2024 theo bảng kê số 66 ngày 31/1/2024		6757		10.052.640
CKKB00033	07/03/2024	chuyển tiền công HĐNH tháng 3/2024 của Tổng PTĐ và phụ trách CNTT theo bảng kê số 12 ngày 7/3/2024		6757		10.052.640
CKKB00037	08/03/2024	8% BHXH		6757		898.560
CKKB00037	08/03/2024	1,5% BHYT		6757		168.480
CKKB00037	08/03/2024	1% BHTN		6757		112.320
CKKB00075	04/04/2024	chuyển tiền công HĐNH tháng 4/2024 của Tổng PTĐ và phụ trách CNTT theo bảng kê số 37/NS-2024 ngày 4/4/2024		6757		10.052.640
CKKB00073	09/04/2024	8% BHXH		6757		898.560
CKKB00073	09/04/2024	1,5% BHYT		6757		168.480
CKKB00073	09/04/2024	1% BHTN		6757		112.320
CKKB00078	02/05/2024	chuyển tiền công HĐNH tháng 5/2024 của Tổng PTĐ và phụ trách CNTT theo bảng kê số 68/NS-2024 ngày 2/5/2024		6757		10.052.640
CKKB00086	08/05/2024	8% BHXH		6757		898.560
CKKB00086	08/05/2024	1,5% BHYT		6757		168.480
CKKB00086	08/05/2024	1% BHTN		6757		112.320
CKKB00113	01/07/2024	chuyển tiền công HĐNH của 02 GV làm tổng PTĐ và phụ trách CNTT tháng 6 và 7/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024		6757		20.105.280
CKKB00117	08/07/2024	8% BHXH		6757		1.797.120
CKKB00117	08/07/2024	1,5% BHYT		6757		336.960
CKKB00117	08/07/2024	1% BHTN		6757		224.640
CKKB00124	01/08/2024	chuyển tiền công HĐNH của GV tổng PTĐ và phụ trách CNTT tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6757		10.052.640
CKKB00127	08/08/2024	8% BHXH		6757		898.560
CKKB00127	08/08/2024	1,5% BHYT		6757		168.480
CKKB00127	08/08/2024	1% BHTN		6757		112.320
CKKB00153	01/10/2024	chuyển tiền công HĐNH tháng 7 và 8/2024 của GV tổng PTĐ qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 01/10/2024		6757		601.440
CKKB00155	16/10/2024	8% BHXH		6757		53.760
CKKB00155	16/10/2024	1,5% BHYT		6757		10.080
CKKB00155	16/10/2024	1% BHTN		6757		6.720
Cộng phát sinh tiểu mục: 6757						90.528.000
CKKB00131	06/08/2024	chuyển tiền hỗ trợ GV đi học lớp sơ cấp LLCT khóa 2/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 6/8/2024 (15 ngày x 50.000đ/người/ngày x 3 người)		6758		2.250.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6758						2.250.000
CKKB00092	24/05/2024	chuyển tiền in giấy A0, in màu, in phiếu học tập để chuẩn bị thao giảng môn khoa học tự nhiên cấp TP theo hóa đơn GTGT số 00000033 ngày 06/04/2024		6799		440.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00107	14/06/2024	chuyển tiền thuê âm thanh, sân khấu, dù che trong lễ tổng kết NH 2023-2024 theo hóa đơn GTGT số 19 ngày 11/06/2024		6799		13.132.800
CKKB00159	02/10/2024	chuyển tiền thuê âm thanh, sân khấu và dù che phục vụ lễ khai giảng NH 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 37 ngày 30/9/2024		6799		13.132.800
PT00019	07/10/2024	rút tiền photo qđlương		6799		57.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6799						26.762.600
Cộng phát sinh mục: 6750						154.740.600
Số dư cuối kỳ mục: 6750						154.740.600
Số dư đầu kỳ mục: 6900						
CKKB00149	13/09/2024	chuyển tiền sửa máy vi tính cho phòng tin học của trường để phục vụ năm học mới : vệ sinh máy, thay chuột, bàn phím... theo hóa đơn GTGT số 45 ngày 11/9/2024		6912		21.884.000
CKKB00145	24/09/2024	chuyển tiền mua ổ cứng nâng cấp máy vi tính phòng văn thư theo hóa đơn GTGT số 00017395 ngày 11/9/2024		6912		1.650.000
CKKB00187	20/11/2024	sửa máy chiếu ở các phòng học: thay đèn chiếu, dây điện, cáp... theo hóa đơn GTGT số 185 ngày 12/11/2024		6912		21.428.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6912						44.962.000
CKKB00132	13/08/2024	chuyển tiền sửa máy photo của phòng hiệu phó: thay mực, bánh xe, bạc phím, bao lụa... theo hóa đơn GTGT số 24 ngày 7/8/2024		6913		2.970.000
CKKB00203	20/12/2024	chuyển tiền sửa máy photo phòng hiệu phó theo hóa đơn GTGT số 52 ngày 19/12/2024		6913		2.860.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6913						5.830.000
CKKB00161	11/10/2024	chuyển tiền thay bóng đèn ở các phòng học và phòng hành chính theo hóa đơn GTGT số 00001152 ngày 08/10/2024		6921		6.166.600
CKKB00161	11/10/2024	chuyển tiền sửa chuông điện, quạt đảo, ổ cắm điện... theo hóa đơn GTGT số 00001151 ngày 8/10/2024		6921		2.957.040
CKKB00184	20/11/2024	sửa chữa NVS học sinh: thay vòi nước, thông nghẹt cầu... theo hóa đơn GTGT số 37 ngày 13/11/2024		6921		24.453.000
CKKB00205	27/12/2024	chuyển tiền sửa chữa NVS GV: thông nghẹt, sửa đường ống bị rỉ... theo hóa đơn GTGT số 44 ngày 26/12/2024		6921		7.832.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6921						41.408.640
CKKB00146	16/09/2024	chuyển tiền sửa chữa bàn ghế học sinh các lớp bị hư mặt bàn, hộc bàn, mặt ghế... theo hóa đơn GTGT số 14 ngày 15/9/2024		6949		49.500.000
CKKB00201	17/12/2024	chuyển tiền sửa chữa cammera của trường theo hóa đơn GTGT số 66 ngày 13/12/2024		6949		12.438.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6949						61.938.000
Cộng phát sinh mục: 6900						154.138.640
Số dư cuối kỳ mục: 6900						154.138.640

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ mục: 7000						
CKKB00093	23/05/2024	chuyển tiền mua loa kéo, loa phóng thanh để phục vụ hoạt động đoàn đội của trường theo hóa đơn GTGT số 00001807 ngày 21/5/2024		7001		10.196.000
CKKB00139	27/08/2024	chuyển tiền mua các loại sổ chuyên môn: sổ chủ nhiệm, sổ dự giờ... để chuẩn bị năm học mới theo hóa đơn GTGT số 00003847 ngày 13/8/2024		7001		4.852.000
CKKB00158	02/10/2024	chuyển tiền mua phấn trắng, phấn màu, bìa kiếng phục vụ công tác giảng dạy từ tháng 9-12/2024 theo hóa đơn GTGT số 0000283 ngày 24/9/2024		7001		8.523.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 7001						23.571.000
CKKB00012	31/01/2024	chuyển tiền mua giấy A4, A0, keo dán theo HĐ số 09 ngày 04/01/2024		7049		2.346.000
CKKB00025	28/02/2024	chuyển tiền mua hộp mực in cho phòng hiệu phó để in đề thi cho HS theo hóa đơn gtgt số 11 ngày 21/2/2024		7049		1.320.000
CKKB00026	28/02/2024	chuyển tiền thuê đồ cho HS tham gia chương trình lễ hội phố xuân TP TDM theo hóa đơn GTGT số 00000033 ngày 22/2/2024		7049		4.503.600
CKKB00027	28/02/2024	chuyển tiền bồi dưỡng cho GV hướng dẫn HS tham gia chương trình lễ hội phố xuân Tp TDM theo bảng kê 07 số 06/NS-2024 ngày 28/2/2024		7049		150.000
PT00001	28/02/2024	rút tiền mặt hỗ trợ HS tập luyện và tham gia chương trình lễ hội phố xuân TP TDM theo bảng kê 07 số 05/NS-2024 ngày 28/2/2024		7049		2.880.000
CKKB00041	08/03/2024	chuyển tiền thuê đồ cho HS tham gia hội thi nhà sử học nhỏ tuổi Tp TDM theo hóa đơn gtgt số 56 ngày 4/3/2024		7049		1.414.000
CKKB00042	08/03/2024	chuyển tiền bồi dưỡng GV tập luyện HS tham gia hội thi nhà sử học nhỏ tuổi TP TDM theo bảng kê số 23/NS-2024 ngày 8/3/2024		7049		30.000
PT00002	11/03/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng HS tham gia nhà sử học nhỏ tuổi TP TDM theo bảng kê số 22/NS-2024 ngày 11/3/2024		7049		750.000
CKKB00044	13/03/2024	chuyển tiền bồi dưỡng GV tham gia hội thi HSG- Giải thưởng Lương thể Vinh theo bảng kê số 26/NS-2024 ngày 13/3/2024		7049		50.000
PT00003	13/03/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng HS tham gia hội thi hS giỏi - giải Lương Thể Vinh NH 2023-2024 theo bảng kê số 25 ngày 13/3/2024		7049		300.000
CKKB00047	15/03/2024	chuyển tiền mua giấy A4, giấy thi A3 cho HS thi giữa HK2 NH 2023-2024 theo hóa đơn GTGT số 0000046 ngày 13/3/2024		7049		9.072.000
CKKB00048	15/03/2024	chuyển tiền bồi dưỡng GV hướng dẫn HS tham gia hội thi HSG - giải thưởng sao khuê nh 2023-2024 theo bảng kê số 31/NS-2024 ngày 15/3/2024		7049		50.000
CKKB00049	15/03/2024	chuyển tiền bồi dưỡng gv hướng dẫn học sinh thi hsg Olympic - HSG lớp 9 nh 2023-2024 theo bảng kê 33/NS-2024 ngày 15/3/2024		7049		100.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
PT00004	15/03/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng HS tham gia hội thi HSG- giải thưởng sao khuê nh 2023-2024 theo bảng kê số 30/NS-2024 ngày 15/3/2024		7049		200.000
PT00005	15/03/2024	rút tiền bồi dưỡng HS tham gia hội thi HSG Olympic - hsg lớp 9 NH 2023-2024 theo bảng kê số 32/NS-2024 ngày 15/3/2024		7049		1.000.000
CKKB00053	25/03/2024	chuyển tiền mua ghế nhựa cho HS ngồi sinh hoạt dưới cờ theo hóa đơn GTGT số 5231 ngày 22/3/2024		7049		5.130.000
CKKB00056	09/04/2024	chuyển tiền mua bìa giấy đựng học bạ điện tử của HS theo hóa đơn GTGT số 0000073 ngày 4/4/2024		7049		6.318.000
CKKB00056	09/04/2024	chuyển tiền mua giấy A4 để in học bạ điện tử của HS toàn trường NH 2023-2024 theo hóa đơn GTGT số 0000074 ngày 4/4/2024		7049		3.645.000
CKKB00057	09/04/2024	chuyển tiền thuê đồ: áo thun, váy... để HS tham gia ngày hội Tiến Bước lên đoàn theo hóa đơn GTGT số 00000055 ngày 1/4/2024		7049		3.240.000
CKKB00058	09/04/2024	chuyển tiền bồi dưỡng GV hướng dẫn HS múa đồng diễn trong ngày hội Tiến Bước Lên Đoàn theo bảng kê số 49/NS-2024 ngày 9/4/2024		7049		30.000
PT00006	11/04/2024	rút tiền bồi dưỡng HS tham gia ngày hội tiến bước lên đoàn theo bảng kê số 48/NS-2024 ngày 11/4/2024		7049		900.000
CKKB00063	15/04/2024	chuyển tiền bồi dưỡng GV hướng dẫn HS tham gia ngày hội chuyển đổi số và GD STEAM theo bảng kê số 56/NS-2024 ngày 15/4/2024		7049		50.000
CKKB00064	15/04/2024	chuyển tiền in màu mô hình hoàn thành sản phẩm dự thi ngày hội chuyển đổi số và GD STEAM theo hóa đơn GTGT số 00000034 ngày 13/4/2024		7049		1.600.000
PT00007	15/04/2024	rút tiền bồi dưỡng HS tham gia ngày hội STEAM theo bảng kê số 55/NS-2024 ngày 15/4/2024		7049		150.000
CKKB00065	23/04/2024	chuyển tiền thuê trang phục múa phụ họa hội thi Tuyên truyền sách TP TĐm năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00000064 ngày 15/4/2024		7049		648.000
CKKB00066	23/04/2024	chuyển tiền hỗ trợ GV tập luyện và thi tuyên truyền giới thiệu sách chủ đề: gv-người truyền cảm hứng văn hóa đọc theo bảng kê số 60/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		1.400.000
CKKB00067	23/04/2024	chuyển tiền hỗ trợ GV hướng dẫn HS tham gia nghi thức đội - chỉ huy đội giỏi Tp TĐm theo bảng kê số 63/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		50.000
CKKB00068	23/04/2024	chuyển tiền hỗ trợ GV tham gia sách nói từ trái tim đến trái tim theo bảng kê số 65/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		50.000
PT00008	23/04/2024	rút tiền bồi dưỡng HS tham gia múa trong hội thi tuyên truyền sách tp tđm theo bảng kê số 59/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		500.000
PT00009	23/04/2024	rút tiền bồi dưỡng HS nhận giải trong hội thi nhà sử học nhỏ tuổi theo bảng kê số 61/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		195.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
PT00010	23/04/2024	rút tiền hỗ trợ học sinh tham gia nghỉ thức đội - chỉ huy đội giỏi theo bảng kê số 62/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		150.000
PT00011	23/04/2024	rút tiền bồi dưỡng HS tham gia cuộc thi sách nói chủ đề từ trái tim đến trái tim theo bảng kê số 64/NS-2024 ngày 23/4/2024		7049		250.000
CKKB00089	23/05/2024	chuyển tiền khám sức khỏe tổng quát cho HS nh 2023-2024 (1174 hs x 20.000đ/hs) theo hóa đơn GTGt số 195 ngày 13/5/2024		7049		23.480.000
CKKB00097	02/06/2024	chuyển tiền cước phí dịch vụ học bạ điện tử 12 tháng cho 689 học sinh theo hóa đơn GTGT số 91947 ngày 28/5/2024		7049		7.579.000
CKKB00104	14/06/2024	chuyển tiền mua cặp và tập học sinh làm quà khen thưởng trong lễ tổng kết NH 2023-2024 theo hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/2024 ngày 22/5/2024 và bảng xác định GTKLHT số 03 ngày 05/06/2024		7049		88.274.880
CKKB00108	14/06/2024	chuyển tiền in giấy khen cho HS trong lễ tổng kết Nh 2023-2024 theo hóa đơn GTGt số 17 ngày 04/06/2024		7049		438.000
PT00014	17/06/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng HS tham gia văn nghệ, nghỉ thức trong lễ tổng kết NH 2023-2024 theo bảng kê 07 số 96/NS- 2024 ngày 17/6/2024		7049		640.000
CKKB00110	21/06/2024	chuyển tiền giấy gói quà cho HS trong lễ tổng kết Nh 2023-2024 theo hóa đơn GTGT số 0000219 ngày 19/06/2024		7049		1.283.040
CKKB00112	21/06/2024	chuyển tiền nước uống đóng bình cho HS từ tháng 1/2024 đến tháng 5/2024 theo hóa đơn GTGT số 459 ngày 19/6/2024		7049		22.728.600
PT00015	17/07/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng học sinh luyện tập và tham gia hội diễn văn nghệ hoa phượng đỏ cấp TP theo bảng kê 07 số 121/NS-2024 ngày 7/8/2024		7049		3.200.000
PT00015	17/07/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng GV hướng dẫn học sinh luyện tập và tham gia hội diễn văn nghệ hoa phượng đỏ cấp TP theo bảng kê 07 số 121/NS-2024 ngày 7/8/2024		7049		100.000
CKKB00130	05/08/2024	chuyển tiền thuê đồ cho HS tham gia hội diễn văn nghệ hoa phượng đỏ TP TDM năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00000135 ngày 20/7/2024		7049		6.112.800
PT00016	05/09/2024	rút tiền mặt phát thưởng học sinh đạt giải trò chơi trong lễ khai giảng theo bảng kê 07 số 139/NS-2024 ngày 13/9/2024		7049		3.200.000
CKKB00150	12/09/2024	chuyển tiền mua bao bố, dây kéo co để học sinh tham gia hội trong lễ khai giảng Nh 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 00000783 ngày 09/09/2024		7049		3.880.000
CKKB00160	02/10/2024	chuyển tiền mua nước uống HS quý 3/2024 theo hóa đơn GTGT số 684 ngày 2/10/2024		7049		5.340.600
PT00018	07/10/2024	rút tiền mặt phát giải cho học sinh tham gia hưởng ứng tuần lễ học tập suốt đời theo bảng kê 07 số 157/NS-2024 ngày 16/10/2024		7049		260.000
PT00021	14/10/2024	rút tiền phát giải cho HS tham gia cuộc thi lồng đèn đẹp trong đêm hội trăng rằm theo BK 07 số 185/NS-2024 ngày 8/11/2024		7049		375.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
PT00021	14/10/2024	rút tiền phát giải cho HS tham gia HKPD vòng trường theo BK 07 số 185/NS-2024 ngày 8/11/2024		7049		6.400.000
PT00021	14/10/2024	rút tiền hỗ trợ HS tham gia và cổ động viên trong cuộc thi tìm hiểu PL trên địa bàn TP TDM năm 2024 theo BK 07 số 185/NS-2024 ngày 8/11/2024		7049		1.100.000
PT00020	18/10/2024	rút tiền BH HS tham gia ĐH liên đội Nh 2024-2025 theo bảng kê 07 số 180/NS-2024 ngày 5/11/2024		7049		1.940.000
CKKB00169	24/10/2024	chuyển tiền làm phù hiệu cho HS NH 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 00000171 ngày 17/10/2024		7049		12.019.989
CKKB00176	05/11/2024	thuê đồ cho HS diễn Văn nghệ trong đại hội liên đội NH 24-25 theo hóa đơn bán hàng số 433 ngày 25/10/2024		7049		5.227.200
CKKB00178	05/11/2024	chuyển tiền nước uống HS tháng 10/2024 theo hóa đơn GTGT số 715 ngày 28/10/2024		7049		4.396.680
CKKB00179	07/11/2024	chuyển tiền thuê đồ cho HS diễn trong hội thi tìm hiểu PL theo hóa đơn GTGT số 458 ngày 1/11/2024		7049		678.000
CKKB00179	07/11/2024	chuyển tiền thuê đồ cho HS diễn văn nghệ trong ngày hội trăng rằm theo hóa đơn GTGT số 460 ngày 6/11/2024		7049		2.516.400
CKKB00180	07/11/2024	mua cầu lông cho HS thi đấu HKPD vòng trường theo hóa đơn bán hàng số 00001583 ngày 4/11/2024		7049		1.197.600
CKKB00181	08/11/2024	chuyển tiền GV làm trọng tài trong HKPD và GV hướng dẫn HS tham gia thi tìm hiểu Pl theo bảng TT cho ĐTTH số 11B ngày 8/11/2024 và bảng kê 07 số 187/NS-2024 ngày 8/11/2024		7049		1.730.000
PT00026	16/11/2024	hỗ trợ HS tham gia hoạt động ngày 20/11 theo bảng kê 07 số 193/NS-2024 ngày 21/11/2024		7049		1.375.000
CKKB00189	21/11/2024	chuyển tiền học BDTX cho CBQL và GV Nh 24-25 theo hóa đơn GTGT số 00000009 ngày 18/11/2024		7049		31.790.000
CKKB00183	22/11/2024	chuyển tiền cho GV thi GVG vòng trường theo bảng kê 07 số 191/NS-2024 ngày 22/11/2024 và mẫu 09 số 11D ngày 22/11/2024		7049		1.025.000
CKKB00191	29/11/2024	chuyển tiền nước uống đồng bình tháng 11/2024 theo hóa đơn GTGT số 830 ngày 27/11/2024		7049		4.843.800
CKKB00199	17/12/2024	chuyển tiền phô tô tài liệu, in phiếu khảo sát, in poster để phục vụ cuộc thi KHKT cấp trường theo hóa đơn GTGT số 351 ngày 14/12/2024		7049		5.292.000
CKKB00200	17/12/2024	chuyển tiền mua thiết bị (khớp nối mềm, pin, cảm biến, loa...) để thiết kế sp tham gia cuộc thi KHKT cấp trường NH 24-25 theo hóa đơn GTGT số 512 ngày 16/12/2024		7049		14.025.000
CKKB00206	27/12/2024	chuyển tiền nước uống HS tháng 12/2024 theo hóa đơn GTGT số 977 ngày 27/12/2024		7049		3.726.000
CKKB00207	27/12/2024	chuyển tiền mua đồ thể dục tham gia HKPD cấp TP NH 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 00001268 ngày 25/12/2024		7049		2.880.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B		D	E	1	2
CKKB00207	27/12/2024	chuyển tiền mua vở, giấy tham gia HKPD cấp TP Nh 2024-2025 theo hóa đơn GTGT số 00001267 ngày 25/12/2024		7049		8.550.000
PT00028	27/12/2024	rút tiền bồi dưỡng HS tập luyện HKPD TP theo bảng kê 07 số 219/NS-2024 ngày 27/12/2024		7049		22.670.000
PT00028	27/12/2024	rút tiền phát giải cho HS tham gia hội thi KHKT vòng trường theo bảng kê 07 số 219/NS-2024 ngày 27/12/2024		7049		180.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 7049						348.926.189
Cộng phát sinh mục: 7000						372.497.189
Số dư cuối kỳ mục: 7000						372.497.189
Số dư đầu kỳ mục: 7050						
CKKB00081	06/05/2024	chuyển tiền gia hạn phần mềm quản lý khoản thu MISA EMIS năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00101219 ngày 20/4/2024		7053		2.000.000
CKKB00090	23/05/2024	chuyển tiền gia hạn PM QLTS misa năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00127033 ngày 21/5/2024		7053		3.000.000
CKKB00090	23/05/2024	chuyển tiền gia hạn PM KT misa mimosa năm 2024 theo hóa đơn GTGT số 00127080 ngày 21/5/2024		7053		3.600.000
CKKB00129	05/08/2024	chuyển tiền gia hạn phần mềm quản lý thư viện theo hóa đơn GTGT số 00176335 ngày 24/7/2024		7053		2.000.000
CKKB00165	16/10/2024	chuyển tiền đổi PM kế toán misa lên online theo hóa đơn GTGT số 00229559 ngày 11/10/2024		7053		6.000.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 7053						16.600.000
Cộng phát sinh mục: 7050						16.600.000
Số dư cuối kỳ mục: 7050						16.600.000
Số dư đầu kỳ mục: 7750						
CKKB00050	18/03/2024	chuyển tiền nộp phí đo đạc đất đai cho trường theo biên lai thu phí, lệ phí số 0000145 ngày 13/3/2024		7756		190.000
CKKB00103	11/06/2024	phí chuyển lương BC, HĐ NĐ 111/2022; HDNH từ tháng 3/2024-6/2024 (4 tháng x 2.200đ/người x 71 người)		7756		624.800
CKKB00167	24/10/2024	chuyển tiền gia hạn duy trì DV PM vận hành WEB và Pm quản lý kho học liệu E-learning theo hóa đơn GTGT số 0000388 ngày 21/10/2024		7756		7.000.000
CKKB00186	20/11/2024	chuyển tiền phí cấp giấy chứng nhận đào tạo GG EDU L0		7756		6.400.000
CKKB00202	17/12/2024	phí chuyển lương ATM từ tháng 7-12/2024		7756		1.005.400
Cộng phát sinh tiểu mục: 7756						15.220.200
CKKB00164	16/10/2024	chuyển tiền mua Bh cháy nổ bắt buộc cho trường theo hóa đơn GTGT số 00016156 ngày 14/10/2024		7757		4.341.410
Cộng phát sinh tiểu mục: 7757						4.341.410
CKKB00028	28/02/2024	chuyển tiền mua trái cây phục vụ GV trực tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024 theo HĐ GTGT số 167467 ngày 8/2/2024		7799		199.269

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00028	28/02/2024	chuyển tiền mua bánh kẹo phục vụ GV trực tết Nguyên Đán Giáp Thìn năm 2024 theo HĐ GTGT số 128340 ngày 3/2/2024		7799		1.699.507
CKKB00105	14/06/2024	chuyển tiền mua hoa tươi trang trí trên bục Bác Hồ trong lễ tổng kết NH 2023-2024 theo hóa đơn GTGT số 790 ngày 28/5/2024		7799		998.000
CKKB00152	12/09/2024	chuyển tiền nạp bột ABC, nạp khí CO2 cho bình chữa cháy theo hóa đơn GTGT số 00000141 ngày 24/08/2024		7799		5.044.200
Cộng phát sinh tiểu mục: 7799						7.940.976
Cộng phát sinh mục: 7750						27.502.586
Số dư cuối kỳ mục: 7750						27.502.586
Cộng số phát sinh:						14.548.182.809
Lũy kế từ đầu năm:						14.548.182.809
Số dư cuối kỳ:						14.548.182.809

NGƯỜI LẬP SỔ

(Ký, họ tên)


Hồ Ngọc Diệp

Kế toán

(Ký, họ tên)



Hồ Ngọc Diệp

....., Ngày 31 tháng 1 năm 2025

Hiệu trưởng

(Ký, họ tên, đóng dấu)


LÊ TRUNG NGHĨA

SỔ CÁI

Tài khoản: 008222 - Thực chi
Năm 2024

Nguồn: Ngân sách Huyện không tự chủ
Chương: 622 - Loại: 070 - Khoản: 073

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
Số dư đầu kỳ:						
Điều chỉnh số dư đầu năm:						
Số dư đầu kỳ mục: 6100						
CKKB00188	20/11/2024	chuyển tiền tăng giờ cho GV từ T1-T5/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 11A ngày 20/11/2024		6105		678.401.160
CKKB00212	31/12/2024	chuyển tiền tăng giờ cho GV từ tháng 9-12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 01A ngày 9/1/2024		6105		755.057.287
Cộng phát sinh tiểu mục: 6105						1.433.458.447
CKKB00213	31/12/2024	chuyển tiền hỗ trợ GV dạy hS khuyết tật từ tháng 9-12/2024 theo NĐ 28/2012/NĐ-CP ngày 10/4/2012, mẫu 09 số 01B ngày 9/1/2025		6112		63.401.458
Cộng phát sinh tiểu mục: 6112						63.401.458
Cộng phát sinh mục: 6100						1.496.859.905
Số dư cuối kỳ mục: 6100						1.496.859.905
Số dư đầu kỳ mục: 6150						
PT00012	15/04/2024	rút tiền hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 1-5/2024 theo bảng kê số 53/NS-2024 ngày 15/4/2024		6157		4.500.000
PT00027	12/12/2024	rút tiền hỗ trợ chi phí học tập từ tháng 9-12/2024 theo bảng kê số 207/ns-2024 ngày 12/12/2024		6157		2.400.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6157						6.900.000
Cộng phát sinh mục: 6150						6.900.000
Số dư cuối kỳ mục: 6150						6.900.000
Số dư đầu kỳ mục: 6400						
CKKB00004	17/01/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho CC, VC tháng 1/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 24 ngày 17/1/2024		6449		12.154.428
CKKB00004	17/01/2024	chuyển tiền hỗ trợ BV, PV tháng 1/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 24 ngày 17/1/2024		6449		2.800.000
CKKB00004	17/01/2024	chuyển tiền hỗ trợ thực sỹ tháng 1/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 24 ngày 17/1/2024		6449		5.400.000
CKKB00054	22/01/2024	chuyển tiền tết nguyên đán năm 2024 cho CB, GV, NV theo NĐ 111/2022 theo QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 18/1/2024, theo bảng TT cho ĐTTH số 27 ngày 22/1/2024		6449		142.000.000
CKKB00021	31/01/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho CC, VC tháng 2/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 31 ngày 31/1/2024		6449		12.154.428
CKKB00021	31/01/2024	chuyển tiền hỗ trợ BV, PV tháng 2/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 31 ngày 31/1/2024		6449		2.800.000
CKKB00021	31/01/2024	chuyển tiền hỗ trợ thực sỹ tháng 2/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 31 ngày 31/1/2024		6449		5.400.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	I	2
CKKB00032	07/03/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho CC, VC tháng 3/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6449		12.154.428
CKKB00032	07/03/2024	chuyển tiền hỗ trợ bảo vệ, phục vụ tháng 3/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6449		2.800.000
CKKB00032	07/03/2024	chuyển tiền hỗ trợ thực sỹ tháng 3/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 03 ngày 7/3/2024		6449		5.400.000
CKKB00070	04/04/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho CC, VC tháng 4/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6449		12.154.428
CKKB00070	04/04/2024	chuyển tiền hỗ trợ bảo vệ, phục vụ tháng 4/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6449		2.800.000
CKKB00070	04/04/2024	chuyển tiền hỗ trợ thực sỹ tháng 4/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 04 ngày 4/4/2024		6449		5.400.000
CKKB00077	02/05/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho CC, VC tháng 5/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6449		12.359.520
CKKB00077	02/05/2024	chuyển tiền hỗ trợ bảo vệ, phục vụ tháng 5/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6449		2.800.000
CKKB00077	02/05/2024	chuyển tiền hỗ trợ thực sỹ tháng 5/2024 theo NQ 07 ngày 31/7/2019 theo bảng TT cho ĐTTH số 05 ngày 2/5/2024		6449		5.400.000
CKKB00080	02/05/2024	chuyển tiền truy 30% cho BC có gốc GV qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 05A ngày 2/5/2024		6449		944.784
CKKB00096	02/06/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc GV làm văn phòng tháng 6/2024 qua thẻ ATM theo bảng kê 07 số 86/NS-2024 ngày 2/6/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 02/06/2024		6449		12.359.520
CKKB00096	02/06/2024	chuyển tiền phụ cấp đào tạo thực sỹ tháng 6/2024 qua thẻ ATM theo bảng kê 07 số 86/NS-2024 ngày 2/6/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 02/06/2024		6449		5.400.000
CKKB00096	02/06/2024	chuyển tiền hỗ trợ bảo vệ, phục vụ tháng 6/2024 qua thẻ ATM theo bảng kê 07 số 86/NS-2024 ngày 2/6/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 02/06/2024		6449		2.800.000
CKKB00096	02/06/2024	chuyển tiền ngoài trời cho GV thể dục từ tháng 1-5/2024 qua thẻ ATM theo bảng kê 07 số 86/NS-2024 ngày 2/6/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 02/06/2024		6449		18.684.000
CKKB00096	02/06/2024	chuyển tiền hỗ trợ nhà giáo ưu tú từ tháng 1-6/2024 qua thẻ ATM theo bảng kê 07 số 86/NS-2024 ngày 2/6/2024 và bảng TT cho ĐTTH số 06A ngày 02/06/2024		6449		8.640.000
CKKB00114	01/07/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc GV làm văn phòng tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024 và bảng kê 07 số 104/NS-2024		6449		12.359.520

ĐVCQ: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một

Đơn vị: Trường THCS Phú Cường

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	I	2
CKKB00114	01/07/2024	chuyển tiền phụ cấp đào tạo thạc sĩ tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024 và bảng kê 07 số 104/NS-2024		6449		5.400.000
CKKB00114	01/07/2024	chuyển tiền hỗ trợ bảo vệ, phục vụ tháng 7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07 ngày 1/7/2024 và bảng kê 07 số 104/NS-2024		6449		2.800.000
CKKB00121	30/07/2024	chuyển tiền truy hỗ trợ của tỉnh do tăng lương theo CDNN cho 2 BC làm hiệu phó từ tháng 5-7/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 07A ngày 30/7/2024		6449		113.400
CKKB00125	01/08/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc GV làm văn phòng tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024		6449		12.397.320
CKKB00125	01/08/2024	chuyển tiền phụ cấp đào tạo thạc sĩ tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024 (1.5 x 1.800.000 đ x 1 tháng x 2 người)		6449		5.400.000
CKKB00125	01/08/2024	chuyển tiền hỗ trợ bảo vệ , phục vụ tháng 8/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024 (600.000đ/tháng x 1 tháng x 3 người + 500.000đ/tháng x 1 tháng x 2 người)		6449		2.800.000
CKKB00125	01/08/2024	chuyển tiền hỗ trợ đồng phục cho bảo vệ năm 2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 08 ngày 1/8/2024 (600.000đ/người/năm x 3 người)		6449		1.800.000
CKKB00134	16/08/2024	chuyển tiền truy hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc GV từ tháng 7+8/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024		6449		7.438.392
CKKB00134	16/08/2024	chuyển tiền truy hỗ trợ đào tạo thạc sỹ từ tháng 7-8/2024 theo bảng TT cho ĐTTH số 08A ngày 16/8/2024 (1.5 x 2 tháng x 540.000đ/tháng x 2 người)		6449		3.240.000
CKKB00142	12/09/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc gv làm văn phòng tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024		6449		16.116.516
CKKB00142	12/09/2024	chuyển tiền phụ cấp đào tạo thạc sỹ tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024 (1.5 x 2.340.000 đ x 1 tháng x 2 người)		6449		7.020.000
CKKB00142	12/09/2024	chuyển tiền hỗ trợ BV, PV tháng 9/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024 (600.000đ/tháng x 3 người +500.000đ/tháng x 2 người)		6449		2.800.000
CKKB00154	01/10/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc GV làm văn phòng tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 1/10/2024		6449		16.116.516
CKKB00154	01/10/2024	chuyển tiền PC đào tạo thạc sỹ tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 1/10/2024 (1.5 x 2.340.000 đ x 1 tháng x1 người)		6449		3.510.000
CKKB00154	01/10/2024	chuyển tiền hỗ trợ BV, PV tháng 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 10 ngày 1/10/2024 (03 người x 600.000đ/tháng +02 người x 500.000đ/tháng)		6449		2.800.000

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	1	2
CKKB00173	01/11/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho nhân viên có gốc GV làm văn phòng tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024		6449		16.116.516
CKKB00173	01/11/2024	chuyển tiền phụ cấp đào tạo thạc sỹ tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024 (1.5 x 2.340.000 x 1 tháng x 1 người)		6449		3.510.000
CKKB00173	01/11/2024	chuyển tiền hỗ trợ BV, PV tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 11 ngày 1/11/2024 (600.000đ/tháng x 3 người + 500.000đ/tháng x 2 người)		6449		2.800.000
CKKB00173	01/11/2024	chuyển tiền PC ngoài trời cho GV thể dục tháng 9 và 10/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 11 ngày 1/11/2024 (62 tiết x 23.400 đ/tiết x 8 tuần)		6449		11.606.400
CKKB00193	02/12/2024	chuyển tiền hỗ trợ 30% cho NV có gốc GV làm VP tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho ĐTTH số 12 ngày 2/12/2024		6449		16.116.516
CKKB00193	02/12/2024	chuyển tiền PC đào tạo thạc sỹ tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho ĐTTH số 12 ngày 2/12/2024 (1.5 x 2.340.000 đ x 1 người)		6449		3.510.000
CKKB00193	02/12/2024	chuyển tiền hỗ trợ BV, PV tháng 12/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho ĐTTH số 12 ngày 2/12/2024 (600.000đ/tháng x 3 người +500.000đ/tháng x 2 người)		6449		2.800.000
CKKB00193	02/12/2024	chuyển tiền hỗ trợ nhà giáo ưu tú quý 4/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho ĐTTH số 12 ngày 2/12/2024 (0.4 x 2.340.000 đ x 3 tháng x 2 người)		6449		5.616.000
CKKB00193	02/12/2024	chuyển tiền PC ngoài trời cho GV TD tháng 11/2024 qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12 ngày 2/12/2024 (62 tiết x 23.400đ/tiết x 3 tuần)		6449		4.352.400
CKKB00209	27/12/2024	chuyển tiền PC ngoài trời tháng 12/2024 của GVTD qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 12B ngày 27/12/2024 (248 tiết x 23.400đ/tiết)		6449		5.803.200
Cộng phát sinh tiểu mục: 6449						467.148.232
Cộng phát sinh mục: 6400						467.148.232
Số dư cuối kỳ mục: 6400						467.148.232
Số dư đầu kỳ mục: 6750						
CKKB00100	11/06/2024	chuyển tiền phụ cấp GV tham gia lớp trung cấp lý luận chính trị khóa 95 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 06B ngày 11/6/2024 và bảng kê 07 số 89/NS-2024 ngày 11/6/2024		6758		2.650.000
CKKB00119	23/07/2024	chuyển tiền học phí lớp bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đội cho GV được cử làm tổng PTĐ trong trường phổ thông theo hóa đơn GTGT số 00000421 ngày 19/6/2024		6758		2.000.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6758						4.650.000
CKKB00137	20/08/2024	chuyển tiền thuê người chặt cành, neo cây phượng bị nghiêng ở sân trường để chuẩn bị năm học mới theo hóa đơn GTGT số 31 ngày 13/8/2024		6799		15.400.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6799						15.400.000

ĐVCQ: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một
Đơn vị: Trường THCS Phú Cường

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	M-TM	Nợ	Có
Số hiệu	Ngày tháng					
A	B	C	D	E	I	2
Cộng phát sinh mục: 6750						20.050.000
Số dư cuối kỳ mục: 6750						20.050.000
Số dư đầu kỳ mục: 6900						
CKKB00148	13/09/2024	chuyển tiền sửa chữa camera của trường bị hư: đầu ghi, ổ cứng, mất... theo hóa đơn GTGT số 46 ngày 12/9/2024		6912		31.522.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 6912						31.522.000
Cộng phát sinh mục: 6900						31.522.000
Số dư cuối kỳ mục: 6900						31.522.000
Số dư đầu kỳ mục: 7000						
CKKB00001	24/01/2024	chuyển tiền mua quần áo giảng dạy, áo thun ngắn tay, giày, vớ theo HĐ số 49 ngày 19/01/2024		7004		2.880.000
CKKB00142	12/09/2024	chuyển tiền hỗ trợ nhà giáo ưu tú quý 3/2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09 ngày 12/9/2024 (0.4 x 2.340.000 đ x 3 tháng x 2 người)		7004		5.616.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 7004						8.496.000
PT00017	29/08/2024	rút tiền mặt bồi dưỡng HS tham gia sinh hoạt hè vòng trường và cấp TP theo bảng kê 07 số 135/NS-2024 ngày 13/9/2024		7049		5.650.000
CKKB00140	12/09/2024	chuyển tiền bồi dưỡng GV tham gia SH hè năm 2024 qua thẻ ATM theo bảng TT cho ĐTTH số 09A ngày 12/9/2024 (9 người x 200.000đ/người)		7049		1.800.000
CKKB00151	12/09/2024	chuyển tiền nước uống phục vụ sinh hoạt hè theo hóa đơn GTGT số 561 ngày 26/8/2024		7049		544.320
Cộng phát sinh tiểu mục: 7049						7.994.320
Cộng phát sinh mục: 7000						16.490.320
Số dư cuối kỳ mục: 7000						16.490.320
Số dư đầu kỳ mục: 7750						
CKKB00083	08/05/2024	chuyển tiền cấp bù học phí HK2 Nh 2023-2024 từ tháng 1-5/2024 qua tài khoản tiền gửi theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của CP theo bảng kê số 73/NS-2024 ngày 8/5/2024		7766		1.800.000
CKKB00195	05/12/2024	chuyển tiền cấp bù HP HK1 NH 24-25 từ tháng 9-12/2024 qua TK tiền gửi theo NĐ 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của CP , theo bảng kê 206/NS-2024 ngày 5/12/2024		7766		2.160.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 7766						3.960.000
CKKB00173	01/11/2024	chuyển tiền hỗ trợ ngày 20/11 cho CB cnv qua thẻ ATM theo bảng tt cho đtth số 11 ngày 1/11/2024		7799		13.800.000
Cộng phát sinh tiểu mục: 7799						13.800.000
Cộng phát sinh mục: 7750						17.760.000
Số dư cuối kỳ mục: 7750						17.760.000
Cộng số phát sinh:						2.056.730.457
Lũy kế từ đầu năm:						2.056.730.457
Số dư cuối kỳ:						2.056.730.457

ĐVCQ: Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một
Đơn vị: Trường THCS Phú Cường

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)



Hồ Ngọc Diệp

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)



Hồ Ngọc Diệp

....., Ngày 31 tháng 1 năm 2015

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên, đóng dấu)



LÊ TRUNG NGHĨA